

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hồng Phong.
- Ông Võ Đức Huy.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp TH, xã THĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Ông Phạm Văn H2, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp 4, xã MA, huyện TT, tỉnh Long An.

(Bà H1 vắng mặt có đơn xin vắng mặt, ông H2 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H1 trình bày:

Bà với ông Phạm Văn H2 do mai mối rồi tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2000. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã MA, huyện TT, tỉnh Long An ngày 04/02/2002. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng

hạnh phúc nhưng hơn 02 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn do ông H2 không chịu làm ăn, ham chơi cờ bạc bên ngoài nên vợ chồng thường xuyên cự cãi mâu thuẫn kéo dài, hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được, khoảng tháng 9/2021 thì bà H1 sống ly thân với ông H2, bà H1 cùng với con gái là Phạm Nguyễn Trâm A về gia đình ba mẹ ruột sống ở Ấp TH, xã THĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cho đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn H2.

Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung tên Phạm Nguyễn Anh T, sinh ngày 29/12/2001; Phạm Nguyễn Minh Th, sinh ngày 27/12/2003 và Phạm Nguyễn Trâm A, sinh ngày 12/3/2020. Khi ly hôn 02 người con chung Phạm Nguyễn Anh T, sinh ngày 29/12/2001; Phạm Nguyễn Minh Th, sinh ngày 27/12/2003 đã trưởng thành, đã tự đi làm nuôi sống được bản thân, không bị hạn chế gì về thể chất lẫn tinh thần. Hiện con chung là Phạm Nguyễn Trâm A đang sống với bà H1 do đó bà H1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Nguyễn Trâm A, sinh ngày 12/3/2020, không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn H2 trình bày:

Ông không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Ngọc H1.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Phạm Nguyễn Anh T, sinh ngày 29/12/2001; Phạm Nguyễn Minh Th, sinh ngày 27/12/2003 và Phạm Nguyễn Trâm A, sinh ngày 12/3/2020. Khi ly hôn 02 người con chung Phạm Nguyễn Anh T, sinh ngày 29/12/2001; Phạm Nguyễn Minh Th, sinh ngày 27/12/2003 đã trưởng thành. Ông H2 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Nguyễn Trâm A, sinh ngày 12/3/2020, không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông H2 đồng ý ly hôn với bà H1 và đồng ý giao con chung Phạm Nguyễn Trâm A, sinh ngày 12/3/2020 cho bà H1 nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc H1 là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà H1 được ly hôn với ông Phạm Văn H2. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Phạm Nguyễn Trâm A, sinh ngày 12/3/2020 cho bà Nguyễn Ngọc H1

được tiếp tục nuôi dưỡng. Về phần cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Ngọc H1 không yêu cầu ông Phạm Văn H2 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chứng cứ mà bà Nguyễn Ngọc H1 cung cấp trong vụ án là: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy khai sinh của con chung; Bản sao căn cước công dân của bà H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Ngọc H1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn H2. Ông H2 cư trú tại xã MA, huyện TT, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Ngọc H1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H1.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà H1, thấy rằng: Bà H1 và ông H2 xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã MA, huyện TT cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/02/2002 nên hôn nhân của bà H1 và ông H2 là hôn nhân hợp pháp. Theo bà H1 trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H2 không chịu làm ăn, ham chơi cờ bạc bên ngoài nên vợ chồng thường xuyên cự cãi mâu thuẫn kéo dài, hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được, khoảng tháng 9/2021 thì bà H1 sống ly thân với ông H2, bà H1 cùng với con gái là Phạm Nguyễn Trâm A về gia đình ba mẹ ruột sống ở Ấp TH, xã THĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cho đến nay nên bà H1 yêu cầu xin ly hôn. Tại phiên tòa, ông H2 đồng ý ly hôn với bà H1. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà H1 là có cơ sở chấp nhận vì trong quá trình chung sống bà H1 và ông H2 đã xảy ra mâu thuẫn, bà H1 và ông H2 đã không còn sống chung với nhau từ tháng 9/2021, không quan tâm, chăm sóc nhau. Về phía ông H2, từ khi bà H1 nộp đơn khởi kiện đến nay, mặc dù ông H2 có ý muốn hàn gắn lại hạnh phúc nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà H1 kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông H2 và căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà các bên trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H1 và ông H2 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà H1 và ông H2 có 03 con chung tên Phạm Nguyễn Anh T, sinh ngày 29/12/2001; Phạm Nguyễn Minh Th, sinh ngày 27/12/2003 và Phạm

Nguyễn Trâm A, sinh ngày 12/3/2020. Hiện 02 con chung Phạm Nguyễn Anh T, sinh ngày 29/12/2001; Phạm Nguyễn Minh Th, sinh ngày 27/12/2003 đã trưởng thành, không bị hạn chế gì về thể chất lẫn tinh thần nên bà H1, ông H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con chung Phạm Nguyễn Trâm A, sinh ngày 12/3/2020 hiện đang sống chung với bà H1, quá trình hòa giải bà H1 và ông H2 đều có yêu cầu được nuôi con chung Phạm Nguyễn Trâm A sau khi ly hôn.

Xét thấy cháu Phạm Nguyễn Trâm A hiện nay đang ở chung với bà H1 ổn định tại Ấp TH, xã THĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, tại phiên tòa ông H2 đồng ý giao con chung Phạm Nguyễn Trâm A cho bà H1 nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con và để đảm bảo sự ổn định nơi ở, không xáo trộn cuộc sống của cháu Trâm Anh. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao con chung Phạm Nguyễn Trâm A, sinh ngày 12/3/2020 cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Bà H1 không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc H1 và ông Phạm Văn H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc H1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H1 về việc "Ly hôn" với ông Phạm Văn H2.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Ngọc H1 được ly hôn với ông Phạm Văn H2.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Ngọc H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Nguyễn Trâm A, sinh ngày 12/3/2020.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Văn H2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Ngọc H1 chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001235 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, bà Nguyễn Ngọc H1 đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Mỹ An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Quân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 8 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Tuấn

Ông Bùi Mạnh Quyết

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 244/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc “*ly hôn*” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1999;

ĐKTT: ấp Hiếu Xuân Đông, xã Hiếu Thành huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn*: Ông Phạm Văn H2, sinh năm 1997;

ĐKTT: ấp An Hòa 2 xã Bình An huyện Thủ Thừa tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H1 về việc "Ly hôn" với ông Phạm Văn H2.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Ngọc H1 được ly hôn với ông Phạm Văn H2.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Ngọc H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Trần Khả Di, sinh ngày 11/3/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Phạm Văn H2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Ngọc H1 chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002587 ngày 28/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, bà Nguyễn Ngọc H1 đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 7 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nhị

Ông Nguyễn Văn Năm

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 117/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản*” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Mai Thị Ngoan, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp 3 xã Mỹ An huyện Thủ Thừa tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: Ông Mai Thanh Cường, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp 4 xã Mỹ An huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ngoan về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản” với ông Mai Thanh Cường.

Buộc ông Mai Thanh Cường có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Mai Thị Ngoan số tiền hụi 160.000.000 đồng và tiền vay là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng ông Mai Thanh Cường còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc ông Mai Thanh Cường phải nộp 13.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 28 tháng 7 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn Nhị

Nguyễn Văn Năm

Ngô Thị Thùy Diễm

Ngày 19/12/2016 và ngày 05/01/2017 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tiến hành niêm yết: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải, Thông báo cung cấp chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Nguyễn Ngọc Giàu. Nhưng ông Giàu không đến tham gia phiên hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã lập Biên bản không hòa giải được và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt ông Giàu vào ngày 04/01/2017 và 03/02/2017.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Ngọc Giàu nhưng xét thấy ngày 07/02/2017 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã niêm yết: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2017, Giấy báo phiên tòa cho ông Giàu. Nhưng tại phiên tòa ngày 22/02/2017 ông Giàu vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2017/QĐST-HNGĐ. Ngày 22/02/2017 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã đã tổng đạt: Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Giàu nhưng tại phiên tòa ngày 13/3/2017 ông Giàu vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227

và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Giàu.